

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày: 25-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Tấn Phước;

Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 10/01/2022, đối với các bị cáo:

1. Võ Trường G, sinh ngày 04/02/2004; Nơi sinh: A – An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Con ông Võ Văn B, sinh năm 1978 và bà Võ Thị L, sinh năm 1985; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 11/8/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trình Văn N, sinh ngày: 10/9/2003; Nơi sinh: A – An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Trình Văn K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962; Bị cáo là con trai duy nhất trong gia đình; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 11/8/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn L, sinh năm: 1987; Nơi sinh: A – An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Trương Văn M (Đã chết) và bà Ngô Thị B, sinh năm 1951; Anh, chị, em ruột có 06 người, bị cáo là người nhỏ nhất; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 04/9/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo G: Ông Võ Văn B, sinh năm: 1978; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo G, N: Ông Trần Phước T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang; có mặt

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1965; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

3. Ông Đồng Vũ H, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

4. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1963; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

5. Ông Dương Huỳnh T, sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

6. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt

7. Ông Bùi Văn X, sinh năm: 1974; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

8. Bà Nguyễn Chí N, sinh năm: 1986; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

9. Ông Trần Văn M, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

10. Bà Nguyễn Văn P, sinh năm: 1936; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

11. Ông Lương Văn A, sinh năm: 1978; địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

12. Bà Võ Thị H, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

13. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

14. Trường Mẫu giáo Q; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Kim T – Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Mẫu giáo Q; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

15. Ông Trần Văn L, sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

2. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

5. Bà Võ Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

6. Bà Võ Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

7. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

8. Ông Võ Hoài N, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

9. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

10. Võ Hoàng P, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật cho Võ Hoàng P: Ông Võ Văn Đ, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

11. Ông Lê Văn P, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

12. Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

13. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt

14. Cao Văn H, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật cho Cao Văn H: Bà Cao Thị B, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

15. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt

16. Ông Trình Văn L (Lép), sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt

17. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên khoảng từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021, Võ Trường G, Trình Văn N, Nguyễn Văn Vũ L và Trương Văn L bàn bạc cùng nhau chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn xã K và xã Q, huyện A. Bằng việc lợi dụng người dân sơ hở trong quản lý tài sản, G, N, L và Trương Văn L đã lén lút lấy trộm nhiều tài sản các loại để bán chia nhau lấy tiền tiêu xài. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 7/2021, G và Võ Hoàng P lấy trộm 01 cánh cửa hàng rào bằng sắt (giá trị 120.000 đồng) tại nhà người dân thuộc xóm dân tộc Chăm, khu dân cư ấp Đ, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Đỗ Thị C (H) thu lợi 150.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng giữa tháng 7/2021, G và Võ Hoàng P lấy trộm 01 cây sào phơi đồ bằng ống tuýp sắt, đường kính 0,05m chiều dài 2m cao 1,4m (giá trị 400.000 đồng) và 01 thanh sắt 01 phân vuông dài 2,25m (giá trị 45.000 đồng) của chị Nguyễn Thị Tuyết V (ngụ ấp Đ, xã Q, huyện A). Sau đó đem bán cho bà Đỗ Thị C (H) thu lợi 100.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Sau vụ thứ hai khoảng vài ngày, L, G và N lấy trộm 01 đầu bơm nước hiệu Kubota, màu đỏ (giá trị 900.000 đồng) của ông Dương Huỳnh T tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán cho ông Nguyễn Thanh M thu lợi 150.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Ngày 16/7/2021, L và Võ Hoàng P lấy trộm 01 cầu thang sắt dài 1,5m rộng 0,5m cao 0,5m (giá trị 350.000 đồng) của ông Nguyễn Văn B; 01 cầu thang sắt dài 2m rộng 0,8m (giá trị 790.000 đồng) của ông Đồng Vũ H và 01 cầu thang sắt nặng 10kg (giá trị 80.000 đồng) của người dân (chưa xác định được nhân thân) tại khu vực chợ ấp Đ, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Đỗ Thị C (H) thu lợi 400.000 đồng.

- Vụ thứ năm: Sau vụ thứ tư vài ngày, G và L lấy trộm 01 máy dầu hiệu NT75 và 01 đầu bơm nước bằng kim loại (tổng giá trị 4.000.000 đồng) của bà Huỳnh Thị T tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán cho ông Trần Văn L thu lợi 640.000 đồng.

- Vụ thứ sáu: Sau vụ thứ năm vài ngày, L và Lê Văn P lấy trộm 01 đầu bơm nước đường kính 10cm hiệu Kubota (giá trị 320.000 đồng) của ông Huỳnh Văn T tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán cho ông Nguyễn Văn H thu lợi 240.000 đồng.

- Vụ thứ bảy: Sau vụ thứ sáu vài ngày, L và Lê Văn P lấy trộm 01 đầu bơm nước hiệu Kubota (giá trị 1.200.000 đồng) của ông Bùi Văn X tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Trần Thị T thu lợi 280.000 đồng.

- Vụ thứ tám: Sau vụ thứ bảy vài ngày, G và Nguyễn Thị Bé N lấy trộm 01 thùng thiếc (giá trị 200.000 đồng) của ông Nguyễn Chí N tại khu vực vườn xoài thuộc ấp Q, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho ông Nguyễn Thanh M thu lợi 150.000 đồng.

- Vụ thứ chín: Sau vụ thứ tám vài ngày, G và Nguyễn Thị Bé N lấy trộm 01 đầu bơm hút nước bằng kim loại, đường kính ống dẫn nước 08cm, màu sơn vàng (giá trị 900.000 đồng) của ông Trần Văn M tại khu vực ruộng dưa hấu thuộc ấp Q, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Võ Thị T thu lợi 250.000 đồng.

- Vụ thứ mười: Sau vụ thứ chín vài ngày, G lấy trộm 01 máy dầu hiệu NT 75 (giá trị 2.100.000 đồng) và 01 đầu bơm nước đường kính 10cm hiệu Kubota (giá trị 720.000 đồng) của ông Nguyễn Văn P tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Trần Thị T thu lợi tổng cộng 852.000 đồng.

- Vụ thứ mười một: Sau vụ thứ mười vài ngày, G và N lấy trộm 01 máy dầu hiệu NT 75 (giá trị 2.100.000 đồng) và 01 đầu bơm nước bằng kim loại hiệu Kubota (giá trị 700.000 đồng) của ông Lương Văn A tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán máy dầu cho bà Võ Thị T thu lợi 640.000 đồng và bán đầu bơm nước cho bà Đỗ Thị C (H) thu lợi 220.000 đồng.

- Vụ thứ mười hai: Sau vụ thứ mười một vài ngày, G và Nguyễn Thị Bé N lấy trộm 02 bao ống dẫn nước bằng tấm nhựa (giá trị 319.000 đồng) của bà Võ Thị H tại khu vực đất rẫy thuộc ấp Q, xã Q, huyện A. Do bị lực lượng Công an tuần tra phát hiện nên cả hai bỏ tài sản lấy trộm được tại khu vực gần hiện trường.

- Vụ thứ mười ba: Khoảng đầu tháng 8/2021, G và Nguyễn Thị Bé N lấy trộm 01 máy nổ loại K5 (giá trị 750.000 đồng) của ông Nguyễn Văn L tại khu vực vườn xoài thuộc ấp T, xã K, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Trần Thị T thu lợi tổng cộng 640.000 đồng.

- Vụ thứ mười bốn: Ngày 08/9/2021, G và L lấy trộm 06 kệ sắt để giày, dép (giá trị 1.260.000 đồng) của Trường Mẫu giáo xã Q, thuộc ấp Đ, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Võ Thị N thu lợi 200.000 đồng.

- Vụ thứ mười lăm: Ngày 09/8/2021, G và Võ Hoàng P lấy trộm 01 máy nén xịt rửa xe, màu trắng đỏ (giá trị 1.400.000 đồng) của Trường Mẫu giáo xã Q, thuộc ấp Đ, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho Đỗ Văn L thu lợi 400.000 đồng.

- Vụ thứ mười sáu: Ngay sau vụ thứ mười lăm một ngày, G và L lấy trộm 02 bình ắc quy (giá trị 2.100.000 đồng) của ông Trần Văn L (ngụ ấp Đ, xã Q, huyện A). Sau đó đem bán cho bà Nguyễn Thị H thu lợi 810.000 đồng.

- Vụ thứ mười bảy: Ngay sau vụ thứ mười sáu, G, L và P lấy trộm 02 con gà mái (trị giá 252.000 đồng) tại nhà người dân thuộc xóm dân tộc Chăm, khu dân cư ấp Đ, xã Q, huyện A. Sau đó đem bán cho bà Nguyễn Thị Diễm T thu lợi 210.000 đồng.

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG.TTHS ngày 02/8/2021, 44/KL-HĐĐG.TTHS ngày 17/8/2021 và 55/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định:

- 01 (một) máy dầu hiệu NT75 và 01 (một) đầu bơm nước hiệu Kubota bằng kim loại tổng giá trị còn lại là 2.800.000 đồng.

- 01 (một) đầu bơm hút nước bằng kim loại, đường kính ống dẫn nước 08 cm, màu sơn vàng giá trị còn lại là 900.000 đồng.

- 01 (một) cầu thang sắt (loại đặc 10ly), dài 1,5m rộng 0,5m cao 0,5m giá trị còn lại là 350.000 đồng.

- 01 (một) cầu thang sắt, dài 02m, rộng 0,8m giá trị còn lại là 790.000 đồng.

- 01 (một) thùng thiết, chất liệu bằng tol, dài 01m cao 0,6m rộng 0,6m nặng 17kg giá trị còn lại là 200.000 đồng.

- 01 (một) máy dầu hiệu Yanmar-NT75 và 01 (một) đầu bơm chất liệu bằng kim loại tổng giá trị còn lại là 4.000.000 đồng.

- 01 (một) sào phơi đồ (loại sào kép), bằng kim loại (làm bằng ống tuýp sắt, đường kính 05cm) dài 02m cao 1,4m, chiều rộng phần chân sào đồ 0,85m và 01 (một) thanh sắt loại 01 phân vuông dài 2,25m tổng giá trị còn lại là 445.000 đồng.

- 01 (một) đầu bơm nước hiệu Kubota, màu đỏ giá trị còn lại là 900.000 đồng.

- 01 (một) máy dầu hiệu Yanmar NT75 và 01 (một) đầu bơm nước hiệu Kubota, đường kính 10cm tổng giá trị còn lại là 2.820.000 đồng.

- 01 (một) máy nổ loại K5 giá trị còn lại là 750.000 đồng.
- 01 (một) đầu bơm nước hiệu Kubota, đường kính 10cm giá trị còn lại là 320.000 đồng.
- Ống dẫn nước bằng tấm nhựa, trọng lượng 8,5kg, đường kính 15cm, giá trị còn lại là 319.000 đồng.
- 06 (sáu) kệ sắt để giày, dép giá trị còn lại là 1.260.000 đồng.
- 01 (một) máy nén xịt rửa xe, màu trắng – đỏ giá trị còn lại là 1.400.000 đồng.
- 02 (hai) bình ắc quy giá trị còn lại là 2.100.000 đồng.
- 01 (một) đầu bơm nước nhãn hiệu Kubota giá trị còn lại là 1.200.000 đồng.
- 01 (một) cánh cửa hàng rào nặng 15kg giá trị còn lại là 120.000 đồng.
- 01 (một) cầu thang sắt cân nặng 10kg giá trị còn lại là 80.000 đồng.
- 02 (hai) con gà trọng lượng 2,1 kg có giá trị 252.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 21.006.000 đồng

Ngày 10/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố các bị can: Võ Trường G, Trình Văn N, Nguyễn Văn Vũ L. Ngày 31/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Trương Văn L.

Vật chứng trong vụ án: 01 (một) cánh cửa hàng rào bằng kim loại, chiều dài phần lớn nhất 205cm, chiều dài phần ngắn nhất 157cm, chiều rộng 75cm, gồm nhiều thanh sắt hàn gắn với nhau, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cầu thang sắt, đã qua sử dụng, cân nặng 10kg; 01 (một) cây kéo bằng kim loại (loại kéo cắt cây cảnh) có tổng chiều dài phần cán và lưỡi 22cm, phần cán sơn màu đỏ - trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa nhãn hiệu KingRoy 18101USA, một đầu khóa ghi số 17, một đầu khóa ghi số 19, đã qua sử dụng; 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại nhãn hiệu Kubota, màu đỏ, đã bị rỉ sét nhiều nơi, kích thước đường kính đầu vào 7,3cm; kích thước đường kính đầu ra 7,6cm (còn gọi là đầu bơm 8cm), đã qua sử dụng, nặng 21kg; 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại nhãn hiệu Kubota, đã bị rỉ sét nhiều nơi, đã qua sử dụng, nặng 20kg.

Võ Hoàng P, Lê Văn P, Nguyễn Thị Bé N trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Lời khai của các bị hại phù hợp như nội dung vụ án. Các ông bà V, T, Th, N, P, L, H, L đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm; Các ông bà B, H, M, A không yêu cầu bồi thường lại giá trị tài sản bị mất trộm; Riêng ông X bà T, ông T yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm.

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp như nội dung vụ án. Các ông bà M, L, H, Trần Thị T, T, N, Th, N, bà C cho biết: Các ông bà kinh doanh mua bán đồ phế liệu và gia cầm. Các bị cáo mang tài sản đến bán thì không biết là tài sản do phạm tội mà có. Các ông bà đã giao nộp lại toàn bộ các tài sản có thể thu hồi, đối với các tài sản không thể thu hồi thì không giao nộp được. Qua sự việc, các ông bà không yêu cầu bồi thường gì thêm; riêng ông H, bà T yêu cầu bồi thường tiền mua các tài sản mà ông, bà giao nộp.

Đỗ Văn L trình bày: Không biết hay liên quan gì đến việc các đối tượng khai nhận đã bán máy nén cho L.

Các ông bà Võ Văn B, Ngô Thị B, Cao Văn H, Nguyễn Văn T, Trình Văn L, Lê Văn Q cho biết: Các ông bà là người thân trong gia đình và người quen của các bị cáo. Các xe mô tô các đối tượng sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là phương tiện, đồ dùng sinh hoạt chung của gia đình; các ông bà không hay biết hay liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên , bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản , vật chứng thu giữ trong vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKSAP-HS ngày 06/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố:

Võ Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Trình Văn N, Trương Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo G khai nhận phù hợp với nội dung vụ án. Bị cáo thừa nhận do phát sinh tình cảm với Nguyễn Thị Bé N nhưng bị gia đình ngăn cấm nên G bỏ nhà đi thuê nhà trọ sống với Bé N. Do không có nghề nghiệp ổn định nên G đã cùng các đối tượng khác thực hiện tổng cộng 14 vụ (04 vụ trên 2.000.000 đồng/vụ và 10 vụ dưới 2.000.000 đồng/vụ) trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 18.266.000 đồng để dùng trang trải cuộc sống và trả tiền thuê trọ.

Bị cáo N khai nhận phù hợp với nội dung vụ án. Bị cáo thừa nhận thực hiện tổng cộng 02 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể: Bị cáo cùng với G và L lấy trộm 01 đầu bơm nước của ông Dương Huỳnh T (giá trị 900.000 đồng); cùng với G lấy trộm 01 máy dầu và 01 đầu bơm nước của ông Lương Văn A (tổng giá trị 2.800.000 đồng). Ngoài ra N không tham gia vào vụ trộm nào khác. Số tiền thu lợi, bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Bị cáo L khai nhận phù hợp với nội dung vụ án. Bị cáo thừa nhận cùng với G lấy trộm 02 bình ắc quy của anh Trần Văn L (giá trị 2.100.000 đồng). Ngoài ra, bị cáo không tham gia vào vụ trộm nào khác. Số tiền thu lợi, bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Trường G từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trình Văn N mức hình phạt bằng thời gian tạm giam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 07 (bảy) tháng – 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tách ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khác khi có yêu cầu của người có thiệt hại.

Về vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47, Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các vật chứng xử lý trong giai đoạn điều tra, xét thấy đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với các tài sản: 01 (một) cánh cửa hàng rào bằng kim loại, chiều dài phần lớn nhất 205cm, chiều dài phần ngắn nhất 157cm, chiều rộng 75cm, gồm nhiều thanh sắt hàn gắn với nhau, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cầu thang sắt, đã qua sử dụng, cân nặng 10kg; 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại nhãn hiệu Kubota, màu đỏ, đã bị rỉ sét nhiều nơi, kích thước đường kính đầu vào 7,3cm; kích thước đường kính đầu ra 7,6cm (còn gọi là đầu bơm 8cm), đã qua sử dụng, nặng 21kg; 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại nhãn hiệu Kubota, đã bị rỉ sét nhiều nơi, đã qua sử dụng, nặng 20kg là các tang vật trong vụ trộm chưa xác định được chủ sở hữu. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A tiếp tục xác minh, thông báo Truy tìm chủ sở hữu của các vật chứng và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đối với: 01 (một) cây kéo bằng kim loại (loại kéo cắt cây cảnh) có tổng chiều dài phần cán và lưỡi 22cm, phần cán sơn màu đỏ - trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa nhãn hiệu KingRoy 18101USA, một đầu khóa ghi số 17, một đầu khóa ghi số 19, đã qua sử dụng. Xét thấy là các công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho các bị cáo Võ Trường G, Trình Văn N là ông Trần Phước T trình bày: Thống nhất với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo và quan điểm luận tội mà Kiểm sát viên trình bày. Tuy nhiên, cần xem xét các bị cáo G, N tại thời điểm phạm tội là người dưới 18 tuổi; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo G là ông Võ Văn B khai nhận: Ông thống nhất với trình bày của người bào chữa. Ông xác nhận bị cáo G sinh vào ngày 04/02/2004 là đúng sự thật, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo G.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của các bị cáo G, N, L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; có đầy đủ căn cứ xác định: Các bị cáo G, N, L đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản là 21.006.000 đồng. Trong đó: Bị cáo Võ Trường G thực hiện tổng cộng 14 vụ

trộm với tổng giá trị là 18.266.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân nên thuộc trường hợp phạm tội với tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trình Văn N thực hiện tổng cộng 02 vụ với tổng giá trị là 3.700.000 đồng trong đó 01 vụ trên 2.000.000 đồng; Nguyễn Văn Vũ L thực hiện tổng cộng 07 vụ với tổng giá trị là 9.152.000 đồng; bị cáo Trương Văn L thực hiện 01 vụ với giá trị là 2.100.000 đồng.

Các bị cáo G, N, L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bị hại nhưng vẫn lén lút lấy trộm bằng được tài sản, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đến cùng với lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và các bị cáo N, L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với các bị cáo G, N, L theo Cáo trạng số: 84/CT-VKSAP-HS ngày 06/12/2021 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân trong việc quản lý tài sản. Tài sản các bị cáo thực hiện lấy trộm tuy có giá trị không cao nhưng các tài sản này là phương tiện, công cụ cần thiết phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, nhất là tài sản này đa phần là của người dân phục vụ cho sản xuất nên việc bị mất ảnh hưởng rất lớn đến việc canh tác, trồng trọt, thiệt hại cho sản xuất là rất lớn; hơn thế nữa các bị cáo liên tục thực hiện trong thời gian dài và liên tiếp nhau cho thấy mức độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho xã hội và nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, được chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Vũ L đã chết, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A đã đình chỉ điều tra đối với Vũ L là có căn cứ nên không xem xét.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ với nhau, bản thân các bị cáo đều là những người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét nhân thân, tính chất, mức

độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo N, L không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo Giang trong 14 lần trộm cắp thì có 04 lần bị cáo trộm giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo G, N, L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt; các bị cáo đều là thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo G được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng, các bị cáo N, L mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo G và N trong thời điểm phạm tội là người chưa thành niên nên khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo. Riêng đối với bị cáo L là người đã thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định pháp luật.

Đối với:

Hành vi trộm cắp tài sản của Võ Hoàng P, Lê Văn P, Nguyễn Thị Bé N; hành vi giao dịch, mua bán các tài sản do các bị cáo lấy trộm được của bà Đỗ Thị C là vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A xử phạt hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

Các ông bà Võ Văn B, Ngô Thị B, Cao Văn H, Nguyễn Văn T, Trình Văn L, Lê Văn Q là chủ xe mô tô các đối tượng dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản; các ông bà Nguyễn Thanh M, Trần Văn L, Nguyễn Văn H, Trần Thị T, Võ Thị T, Võ Thị N, Nguyễn Thị Diễm T, Võ Hoài N có giao dịch, mua bán liên quan đến tài sản do các bị cáo lấy trộm được. Xét thấy những người này đều không biết hay liên quan gì đến việc thực hiện tội phạm nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đỗ Văn L không thừa nhận việc giao dịch mua bán tài sản do G và P phạm tội mà có, tài sản này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời, L có liên quan trong vụ án khác nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau theo quy định.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại biên bản ghi lời khai của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện A, các bị hại gồm: Ông X, bà T, ông T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông H, bà T yêu cầu bồi thường nhưng không xác định cụ thể là yêu cầu ai? số tiền yêu cầu bồi thường là bao nhiêu? Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ

nhưng các ông bà vắng mặt không lý do. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định mức bồi thường thiệt hại và người có nghĩa vụ bồi thường. Do đó, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình 2015 cần tách ra để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự khi có yêu cầu theo đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng xử lý trong giai đoạn điều tra, xét thấy đúng theo quy định của pháp luật nên Viện kiểm sát đề nghị không xem xét là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với các tài sản: 01 (một) cánh cửa hàng rào bằng kim loại, chiều dài phần lớn nhất 205cm, chiều dài phần ngắn nhất 157cm, chiều rộng 75cm, gồm nhiều thanh sắt hàn gắn với nhau, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cầu thang sắt, đã qua sử dụng, cân nặng 10kg; 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại nhãn hiệu Kubota, màu đỏ, đã bị rỉ sét nhiều nơi, kích thước đường kính đầu vào 7,3cm; kích thước đường kính đầu ra 7,6cm (còn gọi là đầu bơm 8cm), đã qua sử dụng, nặng 21kg; 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại nhãn hiệu Kubota, đã bị rỉ sét nhiều nơi, đã qua sử dụng, nặng 20kg là các tang vật trong vụ trộm chưa xác định được chủ sở hữu nên tách ra. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A tiếp tục xác minh, thông báo truy tìm chủ sở hữu và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đối với: 01 (một) cây kéo bằng kim loại (loại kéo cắt cây cảnh) có tổng chiều dài phần cán và lưỡi 22cm, phần cán sơn màu đỏ - trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa nhãn hiệu KingRoy 18101USA, một đầu khóa ghi số 17, một đầu khóa ghi số 19, đã qua sử dụng. Xét thấy là các công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi tội phạm và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

(Tất cả vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Võ Trường G, Trình Văn N, Trương Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Trường G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/8/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trình Văn N 05 (năm) tháng 15 (mười lăm) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 11/8/2021). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/9/2021.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47, Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kéo bằng kim loại (loại kéo cắt cây cảnh) có tổng chiều dài phần cán và lưỡi 22cm, phần cán sơn màu đỏ - trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) chìa khóa nhãn hiệu KingRoy 18101USA, một đầu khóa ghi số 17, một đầu khóa ghi số 19, đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

4. Về án phí: Các bị cáo G, N, L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo vệ lợi ích của người mình bào chữa. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sang